TẠP CHÍ KHOA HỌC
Khoa học Xã hội

Kiều Thanh Thảo (2022)
(27): 104 -113

NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP THẢO LUẬN TRONG DẠY HỌC "TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH" CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Kiều Thanh Thảo
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: *Phương pháp thảo luận là một trong những phương pháp dạy học tích cực đã được vận dụng trong dạy học Tiếng Việt thực hành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Bắc. Tuy nhiên, việc vận dụng phương pháp này chưa thật sự đạt được hiệu quả như mong muốn, vẫn còn nhiều sinh viên chưa hứng thú học tập, năng lực nắm bắt kiến thức và vận dụng kiến thức chưa tốt, kết quả học tập chưa cao. Bài báo trình bày khái quát về phương pháp thảo luận, chỉ ra thực trạng và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng phương pháp thảo luận trong dạy học học phần Tiếng Việt thực hành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học ở Trường Đại học Tây Bắc trên các phương diện: tạo bầu không khí thảo luận thuận lợi, lựa chọn vấn đề thảo luận phù hợp, phát triển tư duy cá nhân khi tổ chức hoạt động thảo luận, tích hợp các kĩ thuật dạy học khi vận dụng phương pháp thảo luận.*

Từ khoá: *tích cực, phương pháp thảo luận, "Tiếng Việt thực hành", sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) để người học tích cực, tự giác, sáng tạo là rất cần thiết và là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Việc vận dụng các PPDH tích cực, trong đó phương pháp thảo luận (PPTL) là một định hướng giáo dục đúng đắn trong việc hỗ trợ người học có khả năng phối hợp, sáng tạo và tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, giải quyết nhiều vấn đề trong học tập và cuộc sống hằng ngày.

Tiếng Việt thực hành là học phần tự chọn trong chương trình đào ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc. Mục đích của học phần này là nhằm phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Việt bằng cách tăng cường kiến thức cơ bản của tiếng Việt (như kiến thức về văn bản, các loại hình văn bản, cách lập luận, trình bày đoạn văn, kiến thức về lỗi và chữa lỗi trong việc đặt câu, dùng từ, quy tắc viết hoa, phiên âm tiếng nước ngoài). Đồng thời, mục đích của học phần còn hướng tới tăng cường rèn luyên tư duy khoa học và bồi đắp ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng của Tiếng Việt.

Vận dụng PPTL trong dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* là một trong những cách thức nhằm tăng cường hiệu quả học tập, mở rộng kiến thức, hỗ trợ đắc lực cho sinh viên (SV) trong quá trình rèn luyện kĩ năng sử dụng tiếng Việt, thực hành giao tiếp, trình bày quan điểm cá nhân… Tuy nhiên, việc vận dụng phương pháp này vẫn chưa thật sự mang lại hiệu quả như mong muốn, vẫn còn nhiều sinh viên chưa hứng thú học tập, năng lực nắm bắt kiến thức và vận dụng kiến thức chưa tốt, kết quả học tập chưa cao. Đây cũng là lí do tác giả lựa chọn đề tài bài báo để nghiên cứu, với mong muốn góp phần xây dựng biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng phương pháp này.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về phương pháp thảo luận

2.1.1. Khái niệm

Theo từ điển tiếng Việt: "Thảo luận là trao đổi ý kiến, có phân tích lí lẽ, để làm sáng tỏ một vấn đề mà nhiều người đang cùng quan tâm"

[4]. Theo đó có thể hiểu, PPTL ở đại học là cách thức người dạy tổ chức hướng dẫn SV trao đổi ý kiến, bàn bạc, phân tích nhằm khơi sâu, mở rộng vốn tri thức hoặc làm sáng tỏ một nội dung kiến thức nào đó trong bài học.

2.1.2. Mục đích

Mục đích của PPTL trong dạy học là nhằm mở rộng và nâng cao nhận thức vấn đề, tạo ra môi trường trao đổi kiến thức giữa giảng viên (GV) - SV, giữa SV - SV, hình thành thái độ tích cực trong học tập và phát triển năng lực trình bày vấn đề, bảo vệ ý kiến, lắng nghe, chia sẻ ý kiến, quan điểm của người khác, kích thích phát triển năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, nhất là tư duy sáng tạo. PPTL "giúp người học khám phá sự đa dạng của vấn đề, nhận thức về sự tồn tại của các cách nhìn nhận khác nhau trong kỉ nguyên của khám phá tri thức" [2]. Mỗi thành viên được tạo điều kiện để phát biểu các ý kiến và suy nghĩ của mình theo cách tự do và bình đẳng. Họ có môi trường để thuyết trình kết quả hoạt động thảo luận, rèn luyện kĩ năng trình bày vấn đề trước đám đông. Đây cũng chính là ý nghĩa của PPTL.

2.1.3. Quy trình của thảo luận

Trong việc vận dụng PPTL, GV cần có kĩ năng khởi xướng cuộc thảo luận, khuyến khích sự tham gia, đánh giá tiến trình hoạt động của cả nhóm, đặt vấn đề và khắc phục những bất đồng quan điểm của các thành viên. Điều này góp phần giúp cho cuộc thảo luận nhận được sự hưởng ứng của người học và được tiến hành theo mục tiêu đã đề ra. PPTL được tiến hành theo quy trình sau:

Phần 1: Làm việc chung cả lớp

Người dạy thực hiện nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ nhận thức, tổ chức các nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm, hướng dẫn cách làm việc trong nhóm. Ở phần này, người dạy có thể khởi động buổi thảo luận bằng cách đưa ra một số câu hỏi: câu hỏi căn cứ vào thực tế nhằm kiểm tra kiến thức nền của người học, câu hỏi vận dụng và câu hỏi giải thích, câu hỏi tích hợp và nhân quả, câu hỏi so sánh, đánh giá, câu hỏi mang tính tư duy phê phán. Đồng thời, GV cũng có thể sử dụng kết hợp thêm một số kĩ thuật dạy học phù hợp như: kĩ thuật khăn phủ bàn, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy, kĩ thuật "KWL" (trong đó K (Know) - Những điều đã biết, W (Want) - Những điều muốn biết, L (Learned) - Những điều đã học được),…

Phần 2: Làm việc theo nhóm

Các nhóm thực hiện phân công công việc cho từng thành viên trong nhóm. Lúc này, cá nhân các thành viên trong nhóm có thể làm việc độc lập - trao đổi/ tổ chức thảo luận trong nhóm. Sau đó, nhóm cử đại diện (hoặc phân công) trình bày kết quả làm việc của nhóm.

Phần 3: Tổng kết trước lớp

Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả. GV cho tiến hành thảo luận chung/ hoặc thảo luận hợp tác để đánh giá kết quả báo cáo giữa các nhóm. Qua việc kết luận, chốt lại vấn đề sẽ giúp người học nắm bắt, ghi nhớ được nội dung cơ bản, cần thiết. Sau đó, người dạy đưa ra nhận xét, tổng kết, khái quát lại vấn đề, đặt vấn đề cho bài tiếp theo.

Như vậy, Một buổi thảo luận tốt phải khích lệ được nhiều câu hỏi, câu trả lời của SV được đưa ra; đồng thời, gợi ra các vấn đề để khám phá thêm. Buổi thảo luận sẽ khiến người học hiểu rằng, các chủ đề được thảo luận rất phức tạp và sự hiểu biết của chúng ta chỉ mang tính tương đối, luôn cần tìm tòi, học hỏi thêm.

2.2. Thực trạng vận dụng phương pháp thảo luận trong dạy học Tiếng Việt thực hành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Tây Bắc

Để nghiên cứu thực trạng làm căn cứ đề xuất định hướng vận dụng PPTL trong dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* có hiệu quả cho SV ngành Giáo dục Tiểu học, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu như sau: sử dụng phiếu hỏi đối với GV; phiếu hỏi, phiếu bài tập đối với SV về các vấn đề nghiên cứu. Mẫu nghiên cứu gồm 6 GV, 78 SV (trong đó, SV dân tộc thiểu số chiếm hơn 80%) thuộc hai

lớp K60 ĐHGD Tiểu học A và K60 ĐHGD Tiểu học B (mỗi lớp 39 SV). Thời gian khảo sát: năm học 2020 - 2021. Kết quả khảo sát như sau:

2.2.1. Thực trạng vận dụng phương pháp thảo luận trong dạy học Tiếng Việt thực hành

Về mức độ vận dụng PPTL trong dạy học *Tiếng Việt thực hành* cho SV ngành Giáo dục Tiểu học: 100% GV được hỏi đều cho rằng, việc vận dụng PPTL trong dạy học cho SV là khá thường xuyên, vì phương pháp này giúp SV cảm thấy hứng thú hơn trong việc tìm ra cách giải quyết vấn đề bài học; vận dụng PPTL còn rất phù hợp với nội dung chương trình của học phần *Tiếng Việt thực hành*; đồng thời, khi vận dụng phương pháp này, SV có cơ hội thể hiện quan điểm cá nhân sâu hơn và nhiều hơn so với các phương pháp khác.

Đánh giá về hiệu quả vận dụng PPTL trong dạy học *Tiếng Việt thực hành* cho thấy: có 83,3% GV cho rằng việc vận dụng PPTL có tác dụng tạo cơ hội cho SV thể hiện quan điểm cá nhân, phát triển năng lực tranh luận, phản biện; 66,7% GV cho rằng việc vận dụng PPTL tạo ra hứng thú và động cơ học tập cho SV; 50% GV cho rằng khi vận dụng PPTL trong dạy học giúp SV nắm bắt vấn đề tốt hơn; 50% GV cho rằng việc vận dụng PPTL trong dạy học sẽ giúp SV có khả năng đọc để tự học, tự bồi dưỡng kiến thức, tăng cường tư duy sáng tạo; 16,7% GV cho rằng việc vận dụng PPTL trong dạy học giúp SV hiểu một cách sâu sắc về vấn đề được học; 66,7% GV cho rằng việc vận dụng PPTL trong dạy học sẽ hỗ trợ SV rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ; 50% GV cho rằng vận dụng PPTL tạo điều kiện cho SV được liên hệ thực tiễn, gắn hoạt động học với hoạt động giao tiếp trong cuộc sống, 16,7% GV cho rằng vận dụng PPTL giúp SV hình thành một số kĩ năng đơn giản trong phân tích, đánh giá nội dung của vấn đề cần nắm bắt.

Đánh giá về việc lựa chọn nội dung kiến thức để vận dụng PPTL trong dạy học *Tiếng Việt thực hành* cho thấy, việc vận dụng PPTL có 67,7% GV vận dụng ở cả nội dung kiến thức dễ, khó/ cũ, mới; 16,7% GV chỉ vận dụng cho kiến thức khó/mới, 67,7% GV vận dụng cho cả kiến thức lí thuyết/ thực hành, 33,3% GV chỉ vận dụng cho thực hành giải bài tập. Điều này chứng tỏ GV vận dụng thường xuyên PPTL đối với hầu hết các loại kiến thức khó/dễ, cũ/mới, lí thuyết/thực hành, ít phân loại các dạng kiến thức để vận dụng các PPDH khác nhau.

Đánh giá về cách vận dụng PPTL trong học phần *Tiếng Việt thực hành* cho thấy: có 83,3% GV chọn cách GV nêu vấn đề, chia nhóm từ 2 đến 10 người, phân công nhóm trưởng chịu trách nhiệm thuyết trình; có 33,3 % GV vận dụng PPTL kết hợp với kĩ thuật khăn phủ bàn; có 16,7% GV vận dụng PPTL kết hợp với kĩ thuật mảnh ghép (nhóm chuyên gia); có 33,3 % GV vận dụng PPTL kết hợp với kĩ thuật sơ đồ tư duy. Kết quả này cho thấy, phần lớn GV vận dụng PPTL bằng cách nêu vấn đề, chia nhóm (nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn), phân công nhóm trưởng chịu trách nhiệm về kết quả chung của nhóm, việc kết hợp với các kĩ thuật khác không được vận dụng thường xuyên. Điều này đôi khi tạo nên một mô hình làm việc nhóm nhàm chán và gây áp lực tập trung cho một hoặc một vài thành viên trong nhóm.

Đánh giá về những khó khăn xuất phát từ SV khi vận dụng PPTL trong dạy học *Tiếng Việt thực hành*: có 83,3% GV cho rằng SV ngại đọc giáo trình, có 33,3% GV cho rằng đa phần SV có tâm lí ỷ lại thụ động vào nhóm trưởng hoặc các thành viên khác; có 16,7% GV cho rằng SV không có nhu cầu tranh luận, thể hiện quan điểm cá nhân, chỉ hướng tới mục đích "trả bài" cho kịp thời hạn, không có hứng thú với PPTL.

2.2.2. Thực trạng chất lượng học tập của sinh viên khi vận dụng phương pháp thảo luận

Đánh giá mức độ hứng thú của SV khi học *Tiếng Việt thực hành* theo PPTL: có 8,9% SV đồng ý với ý kiến *rất hứng thú*, 32,1% SV đồng ý với ý kiến *hứng thú*, 51,2% SV đồng ý với ý kiến *bình thường* và 7,8% SV đồng ý với ý kiến

không hứng thú. Điều này chứng tỏ tỉ lệ SV khi học *Tiếng Việt thực hành* theo PPTL chưa thật sự hứng thú vẫn chiếm tỉ lệ khá cao.

Đánh giá mức độ tiếp nhận và vận dụng kiến thức của SV khi học học phần *Tiếng Việt thực hành* theo PPTL: có 2,6% SV đạt mức độ *tốt*, có 33,3% SV đạt mức độ *khá*, có 52,6% SV đạt mức độ *trung bình*, có 11,5% SV đạt mức độ *không tốt*. Điều này chứng tỏ tỉ lệ SV tiếp nhận và vận dụng kiến thức khi học *Tiếng Việt thực hành* theo PPTL ở mức độ *trung bình, không tốt* vẫn khá cao.

Như vậy, kết quả khảo sát 6 GV và 78 SV cho thấy: việc vận dụng PPTL trong dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* vẫn chưa đạt được hiệu quả tối ưu. Nguyên nhân là vì GV chưa thực sự chú ý trong việc lựa chọn vấn đề thảo luận khi vận dụng PPTL; đồng thời việc vận dụng PPTL của GV đôi khi còn đơn điệu, tập trung vào sản phẩm của tập thể, gây áp lực lên một hoặc một số thành viên nhóm, vô tình tạo hoàn cảnh để các thành viên trong lớp thụ động và phụ thuộc vào nhóm trưởng. Bên cạnh đó, việc vận dụng PPTL của GV cũng chưa được chú ý kết hợp với các kĩ thuật dạy học khác. Do đó việc vận dụng PPTL khi dạy học *Tiếng Việt thực hành* vẫn chưa phát huy tối đa tính tích cực, tự giác, sáng tạo của người học, chưa đạt được hiệu quả giáo dục tốt nhất. Việc nghiên cứu thực trạng, xác định nguyên nhân hạn chế trong việc vận dụng PPTL khi dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* là bước đi quan trọng để đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện phương pháp này.

2.3. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả vận dụng phương pháp thảo luận trong dạy học học phần Tiếng Việt thực hành

2.3.1. Biện pháp 1: Tạo bầu không khí thảo luận thuận lợi

Nhiều nhà nghiên cứu tâm lí học đã nhận định môi trường học tập có thể ảnh hưởng đến tình cảm, thái độ và hành vi, động cơ học tập của SV. Lớp học là môi trường đối thoại sinh động giữa thầy - trò và giữa những học trò với nhau. Cho nên, trên lớp học, GV không chỉ là người hướng dẫn mà còn là người phải biết cách tạo nên bầu không khí học tập tự nhiên, thoải mái. Xây dựng bầu không khí lớp học là một trong những yếu tố tích cực tạo nên hiệu quả của PPTL.

Không khí lớp học tạo nên bởi các yếu tố như: việc chuẩn bị cho SV một tâm thế sẵn sàng thảo luận, không gian lớp học (cách kê bàn ghế), quan hệ thầy - trò, trò - trò, trò - xã hội, môi trường sư phạm…và với cách làm việc "cần phải vui vẻ trong sự nghiêm túc". Trong quá trình thảo luận, SV sẽ góp phần tạo ra bầu không khí lớp học tốt khi họ thật sự tập trung học tập, chuẩn bị bài tốt; tích cực, tự giác tham gia thảo luận, trình bày ý kiến của mình, chia sẻ với các thành viên trong nhóm để thống nhất ý kiến chung của nhóm.

Vì vậy, khi tiến hành thảo luận, GV cần chủ động tạo "bầu không khí dân chủ" thoải mái mà ở đó tất cả mọi SV đều có thể tham gia một cách tích cực. Chẳng hạn như [3]:

- Trao đổi công bằng và dân chủ giữa các nhóm viên.
- Bình đẳng chấp nhận ý kiến lẫn nhau giữa các nhóm viên
- Nhóm viên có hứng thú, thu nhận nhiều thông tin.
- Tuân thủ thời gian thảo luận theo quy định.
- Kết hợp với một số nguyên tắc vui (bài hát khởi đầu, điểm cộng và quà tặng cho nhóm được đánh giá tốt nhất,…).
- Tạo không khí chia sẻ thông tin và cạnh tranh lành mạnh.

Như vậy, tạo bầu không khí thuận lợi trong tổ chức thực hiện PPTL vừa tạo cho SV tâm thế hứng thú tham gia học tập, vừa tạo cho không khí lớp học vui vẻ, thoải mái, vừa giúp cho SV yêu thích bộ môn, say mê nghiên cứu khoa học. Nhờ đó mà phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của các em.

2.3.2. Biện pháp 2: Lựa chọn vấn đề thảo luận phù hợp

Trong một học phần có nhiều nội dung, mỗi nội dung được chia ra rất nhiều cấp độ, nhiều vấn đề. Nhưng không phải mọi loại nội dung kiến thức lí thuyết hay thực hành nào cũng có thể vận dụng PPTL đạt hiệu quả. Dựa vào đặc trưng bản chất của PPTL là hỗ trợ cho người học khám phá sự đa dạng của vấn đề, nhận thức về sự tồn tại của các cách nhìn nhận khác nhau, GV nên phân loại và lựa chọn những dạng kiến thức tập trung vào vấn đề chính của bài học, có thể có nhiều quan điểm luận giải để vận dụng PPTL. Điều này nhằm mục đích tăng cường khả năng sáng tạo, huy động được nhiều ý kiến khác nhau, kích thích tính tích cực chủ động làm việc của SV trong xuốt quá trình thảo luận.

Trong dạy học *Tiếng Việt thực hành*, nếu như "GV có thể áp dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề cho những kiến thức lí thuyết, những kiến thức khó/mới (khó lí giải) hoặc những tình huống có vấn đề đặt ra yêu cầu cần phải giải quyết" [5] thì PPTL có thể được GV vận dụng cho những kiến thức mà người dạy dự đoán được người học có hiểu biết nhất định về nó. Đó là những kiến thức mang tính chất phổ biến mà người học có thể đưa ra quan điểm phong phú, đa dạng hơn, thể hiện cách nhìn nhận nhiều chiều của người học.

Chẳng hạn, khi dạy Chương 1 *Rèn luyện kĩ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản* của học phần *Tiếng Việt thực hành*, Mục *1.1.1.2. Văn bản*, GV có thể vận dụng PPTL cho bài tập 3 [6]. Bài tập cho trước văn bản thơ "Cảnh rừng Việt Bắc" - Tố Hữu, người học phải thực hiện hai yêu cầu: *Tính chỉnh thể của văn bản này được thể hiện như thế nào? Hãy chuyển thành một văn bản văn xuôi, đảm bảo giữ được ở mức độ tối đa nội dung, kết cấu và mục đích giao tiếp của văn bản.* Với bài tập này, người dạy có thể dễ dàng suy luận vấn đề được đưa ra (đặc biệt là yêu cầu số hai của bài tập: *Hãy chuyển thành một văn bản văn xuôi, đảm bảo giữ được ở mức độ tối đa nội dung, kết cấu và mục đích giao tiếp của văn bản*) có thể khiến người học suy nghĩ, thực hành và cho ra những kết quả khác nhau, những cách nhìn nhận đa chiều về đáp án. Do đó, việc vận dụng PPTL cho bài tập này là hợp lí. Người dạy có thể phân chia lớp thành những nhóm nhỏ (từ 2 - 4 người), yêu cầu họ tự xác định tính chỉnh thể của văn bản thơ "Cảnh rừng Việt Bắc" - Tố Hữu. Các thành viên trong nhóm có thể thoải mái trao đổi, thảo luận và xác định những khía cạnh khác nhau của tính chỉnh thể trong văn bản này như: - *Bài thơ thể hiện trọn vẹn một nội dung: Miêu tả khung cảnh thiên nhiên của núi rừng Việt Bắc và thể hiện trọn vẹn tình yêu với những sản vật thiên nhiên, tình yêu với kháng chiến, cách mạng của nhân vật trữ tình.* - *Bài thơ có tính chất hoàn chỉnh về hình thức: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ thất ngôn bát cú (gồm phần đề, thực, luận, kết), chỉnh đối.* Với yêu cầu thứ hai của bài tập này: *Hãy chuyển thành một văn bản văn xuôi, đảm bảo giữ được ở mức độ tối đa nội dung, kết cấu và mục đích giao tiếp của văn bản.* Việc vận dụng PPTL ở ý thứ hai của bài tập này, có thể được GV tiến hành như sau: vẫn sử dụng nhóm nhỏ như trước (từ 2 - 4 người), yêu cầu mỗi thành viên đưa ra một đáp án của mình trong thời gian giới hạn (từ 5 - 7 phút). Sau đó, các thành viên sẽ lần lượt trình bày đáp án của mình trước nhóm. Các thành viên trong nhóm cùng theo dõi, lắng nghe, góp ý và thống nhất cách chuyển văn bản thơ "Cảnh rừng Việt Bắc" thành văn xuôi một cách hợp lý nhất. Kết quả cuối cùng là sản phẩm chung của nhóm, thành viên nào cũng được tham gia đóng góp và có cơ hội thể hiện quan điểm của mình. Kết quả được nhóm trưởng đại diện trình bày trước lớp. Ngay sau đó, kết quả chung của nhóm sẽ được GV và các SV khác góp ý trên 2 phương diện: những điểm đã đạt được, những điểm cần sửa chữa. Đồng thời, GV cũng có thể trình bày thêm về đáp án khác để SV tham khảo.

Có thể nói, lựa chọn nội dung vấn đề trước khi quyết định vận dụng PPTL là việc làm vô cùng quan trọng. Nội dung thảo luận nên tập trung vào vấn đề chính của bài học, những vấn

đề có nhiều quan điểm luận giải khác nhau nhằm tạo sức hấp dẫn, huy động được nhiều ý kiến khác nhau và kích thích tính tích cực chủ động làm việc của SV. Điều này góp phần giúp GV thực hiện nhiệm vụ giảng dạy một cách suôn sẻ, hoạt động thảo luận được tổ chức một cách phù hợp và có hiệu quả hơn, từ đó đáp ứng được mục tiêu bài học đề ra.

2.3.3. Biện pháp 3: Chú ý phát triển tư duy cá nhân khi tổ chức hoạt động thảo luận

PPTL là một trong những PPDH tích cực. Khi PPTL được tổ chức tốt, nó sẽ góp phần phát triển năng lực cho người học một cách hiệu quả. Người học được tăng cường môi trường hoạt động nhóm, làm việc hợp tác với các thành viên khác. Tuy nhiên, nếu GV không chú ý đến quá trình phát triển tư duy cá nhân hoặc chỉ tập trung vào kết quả cuối cùng là sản phẩm chung của tập thể, của nhóm, không đánh giá quá trình làm việc của từng SV thì nguy cơ vai trò của cá nhân trong nhóm bị khoả lấp, lu mờ có thể xảy ra: ý kiến thảo luận sẽ sơ sài, không đi vào cốt lõi vấn đề, có thể mang tính đối phó... Do đó, việc phát triển tư duy cá nhân khi tổ chức hoạt động thảo luận có vai trò khắc phục nhược điểm (nguy cơ có thể xảy ra) của PPTL.

Việc vận dụng PPTL trong dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* cũng không ngoại lệ, GV cũng cần coi trọng quá trình phát triển tư duy cá nhân khi tổ chức hoạt động thảo luận.

Chẳng hạn, khi dạy Chương 1 *Rèn luyện kĩ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản* của học phần *Tiếng Việt thực hành*, Mục *1.2.2. Tạo lập văn bản*, Phần *Lập đề cương cho văn bản*, sau khi học xong lí thuyết, GV có thể đưa ra bài tập với yêu cầu như sau: *Hãy xây dựng đề cương cho đề tài nghiên cứu khoa học ngành Khoa học Giáo dục sau đây: "Vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tập đọc cho học sinh lớp 3 Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở Bản Lầm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La".* Đây có thể xem là một bài tập lớn. Bởi lẽ, bài tập này cần nhiều thời gian tìm hiểu, nghiên cứu. GV gia hạn cho mỗi SV trong lớp đều phải thực hiện nội dung này trong vòng 1 tuần. Họ sẽ có thời gian làm việc cá nhân, suy nghĩ và nghiên cứu về vấn đề. Họ phải tự mình xây dựng đề cương cho đề tài khoa học theo các bước đã học, gồm: xác lập các thành tố nội dung (lưu ý những phương diện, mối quan hệ khác nhau của vấn đề); sắp xếp các thành tố nội dung đã xác lập theo một trình tự nhất định có logic; và trình bày đề cương (bằng việc đặt tiêu đề cho các phần, các chương, các mục, đặt tên cho các ý, các luận điểm một cách cân xứng, dùng các kí hiệu chỉ thứ tự và chỉ quan hệ của các tiêu đề, các tên gọi một cách nhất quán, hợp lí, phản ánh được thứ tự trình bày, quan hệ ngang cấp hay khác cấp, bình đẳng hay phụ thuộc của chúng,…). Toàn bộ quá trình này chính là hoạt động phát triển tư duy cá nhân chuẩn bị cho tổ chức hoạt động thảo luận. Buổi học hôm sau, mỗi SV đều đã có sản phẩm của mình, mỗi sản phẩm sẽ mang một "màu sắc" tư duy khác nhau. Đây bắt đầu mới là khởi nguồn, "nguyên liệu" cho hoạt động thảo luận. GV sẽ chia lớp thành 5 nhóm, các thành viên sẽ cùng thống nhất đề cương cho đề tài nghiên cứu khoa học được GV đưa ra (trong buổi học trước). Lúc này, khi mỗi SV đều đã tìm hiểu và có cách nhận thức về vấn đề này, họ sẽ có nhu cầu được trao đổi, tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm cá nhân trước khi đưa đến kết luận và sản phẩm cuối cùng. Từ đó, việc vận dụng PPTL khi dạy học *Tiếng Việt thực hành* mới thực sự có chất lượng, ý nghĩa trong quá trình phát triển năng lực người học.

Như vậy, việc quan tâm đến phát triển tư duy cá nhân khi tổ chức hoạt động thảo luận có vai trò quan trọng trong việc khắc phục nhược điểm: thảo luận nhóm sơ sài, không đi vào cốt lõi vấn đề, có thể mang tính đối phó. PPTL là một biểu hiện của việc phát huy vai trò chủ thể tích cực của người học. Cho nên trong quá trình thảo luận, từng SV phải được bầy tỏ ý kiến của mình, nói ra những điều mình suy nghĩ… Đồng

thời biết lắng nghe, đánh giá, chia sẻ ý kiến, quan điểm của người khác.

2.3.4. Biện pháp 4: Tích hợp các kĩ thuật dạy học khi vận dụng phương pháp thảo luận

"Kĩ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống/hoạt động nhằm thực hiện giải quyết một nhiệm vụ/nội dung cụ thể" [1]. Hay nói cách khác, đây là các cách triển khai, tổ chức hoạt động dạy học một cách cụ thể của PPDH.

Khi vận dụng PPTL trong dạy học *Tiếng Việt thực hành*, GV cần chú ý kết hợp các kĩ thuật dạy học khác nhau một cách linh hoạt, phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình giáo dục. PPTL có thể triển khai bằng sự kết hợp với các kĩ thuật như: kĩ thuật khăn phủ bàn, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy, kĩ thuật "KWL" (trong đó K (Know) - Những điều đã biết, W (Want) - Những điều muốn biết, L (Learned) - Những điều đã học được),… Trong quá trình tổ chức một hoạt động vận dụng PPTL, GV không nên lạm dụng kết hợp hơn hai kĩ thuật. Khi kết hợp hơn hai kĩ thuật sẽ khiến cho hoạt động thảo luận chiếm quá nhiều dung lượng về mặt thời gian, đôi khi gây tâm lí, cảm giác nặng nề đối với người học.

Chẳng hạn, khi dạy Chương 2 *Rèn luyện kĩ năng sử dụng câu, dùng từ, chính tả và quy tắc viết hoa, phát âm tiếng nước ngoài*, Mục *2.1.4. Quy tắc viết hoa và quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài* của học phần *Tiếng Việt thực hành*, GV có thể vận dụng PPTL bằng cách kết hợp với kĩ thuật "KWL". Sau khi giới thiệu về bài học, mục tiêu cần đạt của bài học, GV chia lớp thành 4 hoặc 5 nhóm, phát phiếu học tập "KWL" cho các nhóm. GV yêu cầu các nhóm thảo luận và thống nhất ý kiến để ghi vào cột **K** (những gì đã biết liên quan đến nội dung bài học). SV sẽ ghi những điều họ đã biết liên quan đến quy tắc viết hoa, quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài. Sau đó, SV tiếp tục viết vào cột **W** (những gì SV muốn biết về nội dung bài học). Sau khi kết thúc bài học, SV điền vào cột **L** (những gì đã học được) - đây là lúc SV xác nhận về những điều họ đã học được qua bài học đối chiếu với những điều muốn biết, đã biết để đánh giá được kết quả học tập, sự tiến bộ của mình qua giờ học. Đồng thời, đây cũng chính là cách thức giúp GV đánh giá, định lượng quá trình dạy học của mình đã đạt được mục tiêu đề ra hay chưa.

Hay, khi dạy Chương 2 *Rèn luyện kĩ năng sử dụng câu, dùng từ, chính tả và quy tắc viết hoa, phát âm tiếng nước ngoài*, Mục *2.1.1. Yêu cầu về câu xét theo quan hệ hướng nội trong văn bản* của học phần *Tiếng Việt thực hành*, GV có thể vận dụng PPTL bằng cách kết hợp với kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy. Kĩ thuật này "là một công cụ tổ chức tư duy, là con đường dễ nhất để chuyển tải thông tin vào bộ não rồi đưa thông tin ra ngoài bộ não. Đồng thời là một phương tiện ghi chép đầy sáng tạo và rất hiệu quả theo đúng nghĩa của nó: "Sắp xếp" ý nghĩ" [1]. Nội dung bài học gồm 4 yêu cầu về câu xét theo quan hệ hướng nội trong văn bản, gồm: câu phải viết đúng quy tắc ngữ pháp, câu phải có quan hệ ngữ nghĩa phù hợp với tư duy người Việt, câu phải có đủ thông tin mới, câu phải được đánh dấu câu phù hợp. GV có thể chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm sẽ thực hiện vẽ sơ đồ tư duy về một yêu cầu nhất định kể trên trong khoảng thời gian 10 phút. Sau đó, 4 nhóm gắn sơ đồ tư duy lên bảng. GV yêu cầu từng nhóm trình bày từng yêu cầu về câu xét theo quan hệ hướng nội trong văn bản (nội dung này đã được phân công tìm hiểu và đã có sản phẩm sơ đồ trên bảng). Sau phần trình bày của 4 nhóm, GV chốt lại một sơ đồ tư duy tổng quát của vấn đề thảo luận. Lúc này, SV hình thành được một tư duy logic về câu xét theo quan hệ hướng nội trong văn bản gồm 4 yêu cầu, trong mỗi yêu cầu lại có một số lưu ý và ví dụ kèm theo. Như vậy, việc vận dụng PPTL với kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy là một trong những cách thức hỗ trợ đắc lực cho người học thâu tóm vấn đề, tăng cường khả năng phân tích, tổng hợp, ghi nhớ

lâu, thay cho việc nhớ bài dưới dạng thuộc lòng, học "vẹt".

Hoặc, khi dạy Chương 2 *Rèn luyện kĩ năng sử dụng câu, dùng từ, chính tả và quy tắc viết hoa, phát âm tiếng nước ngoài,* Mục *2.1.3. Biến đổi câu* của học phần *Tiếng Việt thực hành*, GV có thể vận dụng PPTL bằng cách kết hợp hai kĩ thuật: kĩ thuật khăn phủ bàn, kĩ thuật mảnh ghép. Nội dung bài học Mục *2.1.3. Biến đổi câu* có 5 thao tác, gồm: thao tác mở rộng và rút gọn câu, thao tác tách và ghép câu, thao tác thay đổi trật tự các thành phần câu, thao tác chuyển đổi cách diễn đạt trong câu và thao tác chuyển đổi cách diễn đạt trong câu. GV có thể chia lớp thành 5 nhóm (mỗi nhóm từ 7 - 10 SV), mỗi nhóm được giao tìm hiểu một thao tác biến đổi câu. Yêu cầu của hoạt động thảo luận là: *Hãy xác định cách biến đổi câu (mà nhóm được giao tìm hiểu) là gì? Lấy ví dụ để phân tích cách biến đổi câu đó.* GV vận dụng PPTL mở đầu bằng kĩ thuật khăn phủ bàn. Mỗi nhóm chuẩn bị 1 tờ giấy Ao. Trên giấy Ao chia thành các phần, gồm phần chính giữa và các phần nhỏ xung quanh (số lượng phần nhỏ tương ứng với số lượng thành viên nhóm). Phần lớn chính giữa là khoảng giấy ghi kết quả hoạt động chung của nhóm. Mỗi SV phải có sản phẩm cá nhân (được ghi ở các phần giấy nhỏ bên ngoài) đóng góp vào sản phẩm chung của nhóm (phần giấy chính). Lúc này, GV tiếp tục kết hợp thực hiện kĩ thuật mảnh ghép (nhóm chuyên gia). Khi đã có sản phẩm, mỗi nhóm lúc này được coi là "chuyên gia" về vấn đề được giao tìm hiểu, mỗi nhóm sẽ để lại từ 1 đến 2 SV để làm "chuyên gia" thuyết trình, giảng giải về một thao tác biến đổi câu nhất định, những SV còn lại sẽ luân chuyển tới các nhóm khác để nghe các "chuyên gia" của nhóm khác trình bày. Có bao nhiêu nhóm sẽ có bấy nhiêu phiên luân chuyển. Kết thúc hoạt động, tất cả SV đều được trao đổi, chia sẻ về 5 thao tác biến đổi câu. Cần lưu ý, trước khi chuyển đổi sang kĩ thuật dạy học mảnh ghép, nhóm "chuyên gia", GV cần có trao đổi, kiểm tra nội dung thảo luận ở kĩ thuật thứ nhất (kĩ thuật khăn phủ bàn). Điều này nhằm mục đích đảm bảo những kiến thức, thông tin, ví dụ của các "nhóm chuyên gia" là chính xác. GV cũng cần lưu ý ấn định thời gian cho mỗi hoạt động và cho mỗi lượt luân chuyển thành viên của các nhóm để đảm bảo việc tổ chức hoạt động không bị rơi vào tình trạng "loãng" hoặc "rối".

Như vậy, chúng tôi đã đề xuất bốn biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng PPTL trong dạy học *Tiếng Việt thực hành* cho SV ngành Giáo dục Tiểu học tại Trường Đại học Tây Bắc. Các biện pháp đề xuất đã được tác giả kiểm chứng trong quá trình dạy học và bước đầu đã thu được hiệu quả nhất định.

2.4. Kết quả vận dụng qua lấy ý kến thăm dò và thực nghiệm tác động

2.4.1. Kết quả lấy ý kiến thăm dò của giảng viên về tính khả thi của các biện pháp đề xuất

Chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi, xin ý kiến của 06 GV về tính cần thiết của các biện pháp: tạo bầu không khí thảo luận thuận lợi, lựa chọn vấn đề thảo luận phù hợp, phát triển tư duy cá nhân khi tổ chức hoạt động thảo luận, tích hợp các kĩ thuật dạy học khi vận dụng PPTL, kết quả khảo sát cho thấy: có 83,3% GV cho rằng là rất cần thiết; 16,7% GV cho là cần thiết. Khảo sát về tính khả thi của 4 biện pháp này: có 83,3% GV cho rằng là rất khả thi; 16,7% GV cho là khả thi.

Kết quả thu được từ phiếu thăm dò cho thấy, tất cả GV được hỏi đều tán thành với các biện pháp đề xuất. Điều đó chứng tỏ các biện pháp bước đầu đã được GV đánh giá tính phù hợp, có thể triển khai thực hiện để đạt hiệu quả hơn trong dạy học *Tiếng Việt thực hành* cho SV ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc.

2.4.2. Kết quả thực nghiệm tác động

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực nghiệm bằng phiếu hỏi và phiếu bài tập đối với 78 SV, Kết quả cho thấy: Đánh giá mức độ hứng thú của SV sau khi áp dụng các biện pháp đề xuất: có 10 SV (12,8%) thấy rất hứng thú (nhiều

3,9% so với ban đầu), 30 SV (38,5%) thấy hứng thú (nhiều hơn 6,4% so với ban đầu), 37 SV (47,4%) thấy bình thường và 1 SV (1,3%) không hứng thú (ít hơn 6,5% so với ban đầu). Điều này chứng tỏ tỉ lệ SV khi học *Tiếng Việt thực hành* theo các biện pháp đề xuất thấy rất hứng thú hoặc hứng thú chiếm tỉ lệ cao hơn so với trước đó.

Đánh giá mức độ tiếp nhận và vận dụng kiến thức của SV sau khi thực nghiệm cho thấy: có 4 SV (5,1%) tiếp nhận và vận dụng kiến thức ở mức độ *tốt* (nhiều hơn 2,5% so với ban đầu), có 35 SV (44,9%) tiếp nhận và vận dụng kiến thức ở mức độ *khá* (nhiều hơn 11,6% so với ban đầu), có 41 SV (52,6 %) SV tiếp nhận và vận dụng kiến thức ở mức độ *trung bình* (ít hơn 7,7% so với ban đầu), có 9 SV (11,5%) tiếp nhận và vận dụng kiến thức ở mức độ *không tốt* (ít hơn 6,4% so với ban đầu). Điều này chứng tỏ tỉ lệ SV tiếp nhận và vận dụng kiến thức ở mức độ *trung bình* và đặt biệt ở mức độ *không tốt* đã giảm đi đáng kể so với trước khi áp dụng biện pháp đề xuất.

Như vậy, kết quả khảo sát 6 GV và 78 SV cho thấy: việc vận dụng PPTL trong dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* sau khi áp dụng các biện pháp đề xuất đã có sự cải thiện nhất định. Mặc dù độ chênh lệch chưa phải là cách biệt lớn, nhưng ở mức độ hứng thú tiếp nhận và vận dụng kiến thức đã có sự chênh lệch theo chiều hướng tích cực. Điều đó chứng tỏ những biện pháp đề xuất là đúng hướng, góp phần nâng cao hiệu quả vận dụng PPTL trong dạy học học phần *Tiếng Việt thực hành* cho SV ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Tây Bắc.

3. KẾT LUẬN

Vận dụng PPTL là một trong những cách thức tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả, được nhiều GV sử dụng. Đây là phương pháp có ý nghĩa trong việc rèn kĩ năng diễn đạt, trình bày vấn đề, lắng nghe, đánh giá quan điểm của người khác… Nó thúc đẩy người học phát triển tư duy sáng tạo, tranh biện của cá nhân; tăng cường phẩm chất năng lực làm việc, giao tiếp nhóm và năng lực hợp tác với người khác.

Để nâng cao hiệu quả vận dụng PPTL trong giảng dạy học phần *Tiếng Việt thực hành* đòi hỏi GV phải "làm quen với những phương tiện dạy học hiện đại, sử dụng đa dạng các phương tiện kiểm tra đánh giá mới, tiếp cận về yêu cầu giáo dục hiện đại "lấy người học làm trung tâm" đòi hỏi mới nhằm bồi dưỡng giáo dục và phát huy kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học" [3]. Vì thế, việc vận dụng sáng tạo PPTL giúp SV có thái độ đúng đắn, chủ động, tích cực, tự giác trong học tập là một vấn đề rất cần thiết hiện nay. Song, trong dạy học các học phần ngôn ngữ nói chung, dạy học *Tiếng Việt thực hành* nói riêng, giảng vẫn cần lưu ý không nên lạm dụng PPTL (tức là không nên lúc nào cũng vận dụng PPTL trong mọi trường hợp). Việc vận dụng PPTL cần chú ý đến các biện pháp vận dụng đúng thời điểm, phù hợp và linh hoạt để đạt được hiệu quả dạy học tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án Việt - Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực một số phương pháp và kĩ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, tr.11, tr.45, tr.67.

[2] Phó Đức Hoà (2011), *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, tr.63.

[3]. Nguyễn Hoài Nhân - Dương Xuân Vương (Khoa Kinh tế - Quản trị, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai), *Nâng cao hiệu quả của PPTL nhóm trong giảng dạy đại học*, ngày đăng bài 06/12/2021, https:// www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/nang-cao-hieu-qua-cua-phuong-phap-thao-luan nhom-trong-giang-day-dai-hoc.

[4] Hoàng Phê (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr.1181

[5] Kiều Thanh Thảo (2021), *Thực trạng và biện pháp áp dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề trong dạy học*

"Tiếng Việt thực hành" cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Tây Bắc, Tạp chí Giáo dục, Số Đặc biệt tháng 4/2021 - Kì 1, tr.203

[6] Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.3, tr.34.

IMPROVING THE EFFECTIVENESS OF APPLYING THE DISCUSSION METHOD IN TEACHING "VIETNAMESE IN USE" FOR PRIMARY-EDUCATION-MAJORED STUDENTS IN TAY BAC UNIVERSITY

Kieu Thanh Thao
Tay Bac University

Abstract: *The discussion method is one of the active teaching methods that has been applied in teaching "Vietnamese in use" module for primary-education-majored students in Tay Bac University. However, the application of this method has not really achieved the desired effect, there are still many students who are not interested in learning, their ability to understand and apply knowledge is not good, their learning results are not good. high. The article presents an overview of the group discussion method, points out the current situation and proposes a number of measures to improve the effectiveness of applying the group discussion method in teaching "Vietnamese in use" module for primary-education-majored students in Tay Bac University such as: creating a favorable discussion atmosphere, choosing appropriate discussion topics, developing personal thinking when organizing discussion activities, integrating the teaching techniques using the discussion method.*

Keywords: *active, discussion method, "Vietnamese in use", primary-education-majored students.*

Ngày nhận bài: 7/12/2021; Ngày nhận đăng: 17/01/2022
Liên lạc: Kiều Thanh Thảo; email: kieuthanhthao206@utb.edu.vn